

**BÁO CÁO**

V/v: Trình ĐHQĐ ủy quyền cho HĐQT  
thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2023.

(Báo cáo kèm theo Tờ trình số 1111/2023/TTr- HĐQT-XNK ngày 05/4/2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Căn cứ tình hình và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Để tạo thuận lợi cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2023 như sau:

1. Thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các hợp đồng, giao dịch có giá trị giao dịch từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ, trên cơ sở đánh giá rủi ro, đảm bảo an toàn cho Công ty.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề nêu trên có hiệu lực thi hành đối với các giao dịch của Công ty thực hiện trong năm 2023 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2024.

Đính kèm Báo cáo này là Phụ lục và Dự thảo hợp đồng giao dịch với các bên liên quan dự kiến thực hiện trong năm 2023 và đến thời điểm tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2024.

Đề nghị HĐQT Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng !

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, TGD; BKS;
- Lưu: VT.



**PHỤ LỤC CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN  
DỰ KIẾN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 ĐẾN THỜI ĐIỂM  
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CỦA CÔNG TY NĂM 2024**

*(Đính kèm theo Báo cáo V/v: Trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT  
thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2023)*

<b>Stt</b>	<b>Đối tác giao dịch</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (và các công ty con của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP)	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Dự thảo**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**

(Kèm theo Báo cáo số: /2023/BC-HĐQT-XNK, ngày / /2023)

**[Tên hàng hóa]**

Số: ...../ARM.....

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

**Bên Mua (Bên A):**

Địa chỉ: .

Điện thoại: Fax:

**Đại diện:** Chức vụ:

(Theo Quy định phân cấp, ủy quyền của Tổng giám đốc .... tại QĐ số ... ngày ....)

**Bên Bán (Bên B): CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Địa chỉ: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (024) 38271939

Fax: (024) 38271925

Đại diện: Ông .....

Chức vụ: .....

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán .... (Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Tên hàng hóa, đơn giá hàng hóa**

Đvt: VNĐ

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Đơn giá (chưa có VAT)
1				

- 1.1 Đơn giá hàng hóa của Hợp đồng là giá giao tại kho của Bên A tại sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất, bao gồm đơn giá chưa VAT và thuế VAT, trong đó:
  - Đơn giá chưa VAT là đơn giá cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện HĐ;
  - Thuế VAT có thể thay đổi theo các quy định của Nhà Nước và áp dụng từ ngày các quy định có hiệu lực.
- 1.2 Số lượng, giá trị hàng hóa giao nhận thực tế sẽ quy định cụ thể tại Đơn đặt hàng (PO) và là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Tổng số lượng gọi hàng của các đơn đặt hàng (P/O) không vượt quá [số lượng hợp đồng]
- 1.3 [Bên B chấp nhận có thể dừng Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên A không còn nhu cầu sử dụng mặt hàng .....nêu trên sau..... ngày [ngày]. Trong trường hợp Bên A muốn dừng Hợp đồng, Bên A sẽ gửi thông báo cho Bên B tối thiểu 30 ngày trước thời điểm dừng Hợp đồng.]

**Điều 2. Qui cách, chất lượng sản phẩm, đóng gói**

- 2.1 Quy cách, chất lượng sản phẩm: Theo đúng mẫu sản phẩm của mặt hàng ..... được hai Bên ký xác nhận. Ngoài ra, sản phẩm còn phải đáp ứng các yêu cầu sau của Bên A:  
[Quy cách kỹ thuật]
- 2.2 Bên B chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến nguồn gốc sản phẩm, điều kiện sản xuất, quy cách chất lượng hàng hóa.
- 2.3 Bên B chịu trách nhiệm về việc hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn do cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam quy định.
- 2.4 Quy cách đóng gói:
  - a) Cách thức đóng gói:
  - b) Yêu cầu thùng carton: ...

### **Điều 3. Giao nhận**

- 3.1 Thời gian cung cấp hàng hóa: Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.
- 3.2 Địa điểm và phương thức giao nhận:
  - a) Bên B giao hàng cho Bên A tại kho của Bên A ở sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất.
  - b) Mọi chi phí phát sinh liên quan đến vận chuyển, bốc dỡ hàng từ phương tiện vận chuyển của Bên B đến cửa kho của Bên A do Bên B chịu.
  - c) Mọi chi phí liên quan đến việc ra vào sân đỗ, soi chiếu an ninh (bao gồm cả chi phí bốc xếp lên/ xuống máy soi chiếu) do đơn vị tiếp nhận hàng hóa chịu nếu kho của đơn vị tiếp nhận hàng hóa nằm trong khu vực hạn chế của sân bay.
- 3.3 Đơn vị Bên A kiểm tra và tiếp nhận hàng hóa: Công ty ...
- 3.4 Số lượng và kế hoạch giao hàng:
  - a) Số lượng và kế hoạch giao hàng được qui định cụ thể tại từng Đơn đặt hàng (PO).
  - b) Công ty ... là đầu mối thay mặt bên A cung cấp kế hoạch nhận hàng hàng tháng và triển khai Đơn đặt hàng (PO). Đơn đặt hàng (P/O) gửi đến Bên B trước thời điểm cần nhận hàng 30 ngày.
  - c) Mọi thay đổi về kế hoạch giao hàng của PO sẽ được Bên A thông báo cho Bên B bằng email ít nhất 07 ngày trước ngày nhập hàng.
  - d) Trường hợp có phát sinh tăng số lượng đặt hàng, Bên A sẽ triển khai đơn đặt hàng (PO) bổ sung cho Bên B kèm theo dự kiến về thời gian và số lượng nhận hàng, Bên B sẽ xem xét khả năng đáp ứng và phản hồi lại Bên A ngay sau khi nhận được PO bổ sung.

### **Điều 4. Thanh toán**

- 4.1 Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam – VNĐ.
- 4.2 Điều kiện thanh toán: Sau khi Bên A nhận được đủ bộ chứng từ thanh toán của Bên B, bao gồm:
  - a) Hóa đơn tài chính của Bên A;
  - b) Phiếu giao nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên;
- 4.3 Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản, trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán của Bên B
- 4.4 Đơn vị Bên A thực hiện thủ tục thanh toán: ....

4.5 Thông tin tài khoản:

**Bên A: .....**

- Số tài khoản: ....
- Tại Ngân hàng ...
- Địa chỉ: ...
- Mã số thuế: ....

**Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

- Tài khoản số: 0011000015434.
- Tại ngân hàng: Sở giao dịch Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.
- Mã số thuế: 0100107934

**[Điều 5. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng:**

- 5.1 Bên B nộp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A không muộn hơn 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực như sau:
- a) Hình thức bảo đảm: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
  - b) Giá trị bảo đảm: ..... VNĐ, tương đương ...% tổng giá trị dự kiến của Hợp đồng.
  - c) Hiệu lực: Kể từ ngày phát hành của Thư bảo lãnh cho đến hết ngày ....
- 5.2 Thời hạn hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Bên A sẽ hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên B không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận lô hàng cuối cùng của Hợp đồng.
- 5.3 Trong trường hợp gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thì Bên B phải gia hạn Bảo đảm thực hiện Hợp đồng với thời gian tương ứng.
- 5.4 Bên B không được hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:
- a) Bên B từ chối thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;
  - b) Bên B không hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định trong Hợp đồng;
  - c) Bên B thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng.]

**Điều 6. Trách nhiệm, nghĩa vụ của các Bên**

- 6.1 Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên A:
- a) Triển khai Đơn đặt hàng (PO) cho Bên B về yêu cầu mua hàng hóa theo mẫu Đơn đặt hàng tại Phụ lục gửi kèm.
  - b) Thực hiện gọi nhập hàng trước ngày cần nhập hàng tối thiểu 10 ngày;
  - c) Thanh toán theo đúng quy định tại Điều 4 của Hợp đồng;
  - d) Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng;
  - e) Bên A có thể uỷ quyền cho người khác thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình được quy định tại Hợp đồng, sau khi có thông báo bằng văn bản cho Bên B và có thể thay đổi, hủy bỏ việc uỷ quyền của mình sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên B.
- 6.2 Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên B:

- a) Cung cấp cho Bên A hàng hóa theo các Đơn đặt hàng (PO) của Bên A.
- b) Cung cấp hàng hóa theo đúng quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng;
- c) Giao hàng đúng số lượng, thời gian theo kế hoạch giao hàng qui định tại Đơn đặt hàng (PO) hoặc theo yêu cầu thực tế của Bên A trên cơ sở thống nhất giữa hai Bên;
- d) Bên B chịu trách nhiệm pháp lý trước Bên A về các vấn đề liên quan đến nguồn gốc sản phẩm, điều kiện sản xuất, quy cách, chất lượng sản phẩm và việc sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn do các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam qui định.
- e) Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng và Đơn đặt hàng (PO);

### **Điều 7. Kiểm tra hàng hoá**

- 7.1 Việc kiểm tra quy cách và chất lượng hàng hóa quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này được thực hiện bởi đại diện Bên A hoặc Bên thứ ba do Bên A chỉ định.
- 7.2 Trường hợp Bên B không chấp nhận kết quả kiểm tra của Bên A, Bên B sẽ chịu trách nhiệm mời Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol thực hiện giám định và xác định quy cách chất lượng của hàng hóa và chịu chi phí giám định này.
- 7.3 Bên A có quyền tiến hành kiểm tra giám định (vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hóa) ... tối đa 3 lần/ năm trên cơ sở sản phẩm Bên A lấy mẫu ngẫu nhiên trong số hàng hóa của Hợp đồng này tại các kho của Bên A và / hoặc tại cơ sở sản xuất của Bên B. Chi phí kiểm tra giám định do Bên B chịu nếu phát hiện vi phạm Hợp đồng.

### **Điều 8. Bản quyền nhãn hiệu của hàng hoá và nhãn hiệu của bên A**

- 8.1 Bên B chỉ được sử dụng nhãn hiệu ... (của bên A) trên các sản phẩm cung ứng cho Bên A theo Hợp đồng.
- 8.2 Bên B cam kết chỉ thể hiện các nội dung, thông tin theo yêu cầu của Bên A trên sản phẩm cung ứng theo Hợp đồng.
- 8.3 Bên B cam kết chỉ sử dụng thiết kế hàng hóa của Hợp đồng này cho các sản phẩm do Bên A yêu cầu cung cấp, không cung cấp sản phẩm của Hợp đồng (kể cả sản phẩm bị lỗi, không đủ tiêu chuẩn, sản xuất thừa số lượng ...) cho bất kỳ tổ chức, các nhân nào dưới bất kỳ hình thức nào (kinh doanh, biếu, tặng, hỗ trợ ...) trừ trường hợp được sự cho phép bằng văn bản của Bên A.

### **Điều 9. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 10, phụ thuộc vào mức độ ảnh hưởng của các trường hợp vi phạm đến Bên A, phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại được thực hiện theo qui định cụ thể như sau:

- 9.1 Trường hợp Bên B không thực hiện giao hàng theo kế hoạch giao hàng quy định tại Hợp đồng và/hoặc Đơn đặt hàng (PO), Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tương ứng với tối đa ...% giá trị hàng hóa giao chậm cho mỗi tuần giao hàng chậm. Tổng tiền phạt tương ứng với tối đa 8% giá trị dự kiến của Đơn hàng (PO) bị vi phạm. Nếu quá 4 tuần mà Bên B vẫn chưa giao được hàng theo đúng yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền từ chối nhận hàng và có quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng với Bên B. Ngoài ra, Bên B chịu mọi chi phí phát sinh do không giao được hàng theo yêu cầu của Bên A.

- 9.2 Trường hợp Bên B giao hàng không đủ số lượng theo yêu cầu của Đơn đặt hàng (PO) thì Bên A thực hiện nhận số lượng đã giao và xác định thời gian để Bên B giao tiếp phần còn thiếu; mọi chi phí phát sinh do Bên B chịu.  
Trường hợp Bên B không giao đủ hàng còn thiếu trong thời hạn được Bên A giao hạn, Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tương ứng với tối đa 8% giá trị dự kiến của Đơn đặt hàng (PO) bị vi phạm. Nếu quá 4 tuần mà Bên B vẫn chưa giao được hàng theo đúng yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền từ chối nhận hàng và có quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng với Bên B. Ngoài ra, Bên B chịu mọi chi phí phát sinh do không giao được hàng theo yêu cầu của Bên A.
- 9.3 Tại thời điểm nhận hàng và trong quá trình hàng hóa lưu tại kho của Bên A (trong điều kiện bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất) cũng như trong quá trình sử dụng, nếu Bên A phát hiện hàng hóa bị lỗi (sản phẩm bị sai qui cách, bị biến chất, không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu qui định tại Hợp đồng) thì Bên A có quyền trả lại hàng hóa bị lỗi.  
Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý lỗi (kiểm tra toàn bộ hàng hóa tồn kho, thu hồi sản phẩm lỗi, đổi lại hàng hóa đáp ứng yêu cầu về quy cách, chất lượng sản phẩm ...) để đảm bảo hàng hóa cung cấp cho Bên A theo đúng điều kiện Hợp đồng về quy cách, chất lượng sản phẩm, số lượng và thời hạn giao hàng. Bên B chịu mọi chi phí phát sinh khi thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý lỗi.  
Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tối đa đến 8% giá trị lô hàng bị lỗi hoặc lô hàng có ngày giao hàng gần nhất với thời điểm phát hiện hàng hóa bị lỗi (trong trường hợp phát hiện lỗi vi phạm trong quá trình sử dụng).
- 9.4 Trường hợp Bên B (sau khi đã ký Hợp đồng) chuyển một phần hay toàn bộ Hợp đồng cho pháp nhân khác thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và Bên B phải chịu phạt tối đa đến 8% giá trị dự kiến của Hợp đồng (giá trị dự kiến của Hợp đồng là ... đồng)
- 9.5 Trường hợp Bên B vi phạm điều kiện Hợp đồng quy định tại các Khoản 9.1, 9.2, 9.3 và 9.4 dẫn đến việc Bên A phải sử dụng loại hàng hóa khác thay thế để đảm bảo an toàn cung ứng cho Bên A, Bên B có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí phát sinh này. Để làm rõ, ngoài việc Bên B phải chịu các khoản phạt vi phạm Hợp đồng quy định tại các Khoản 9.1, 9.2, 9.3 và 9.4 nói trên, Bên B có trách nhiệm bồi thường các khoản thiệt hại phát sinh thực tế cho Bên A do lỗi vi phạm Hợp đồng của Bên B
- 9.6 Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho bên B, Bên B có quyền yêu cầu Bên A trả tiền lãi trên số tiền trả chậm đó vào lần thanh toán kế tiếp của Bên A. Lãi suất chậm trả tính theo lãi suất nợ quá hạn công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác nhưng không vượt quá 8% giá trị dự kiến của Đơn đặt hàng (P/O) bị vi phạm.
- 9.7 Trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ chi phí, thiệt hại thực tế phát sinh do việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng này.
- 9.8 Các khoản phạt nêu trên sẽ được khấu trừ vào khoản thanh toán của Đơn đặt hàng (PO). Riêng khoản bồi thường thiệt hại Hợp đồng (nếu có), Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Bên A tổng hợp giá trị thiệt hại và thông báo cho Bên B.

## **Điều 10. Bất khả kháng**

- 10.1 Bất khả kháng được hiểu là sự kiện ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp như chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và sự thay đổi chính sách hay sự thay đổi quy định của cơ quan có thẩm quyền.
- 10.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc vi phạm Hợp đồng.
- 10.3 Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- 10.4 Bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt vi phạm Hợp đồng.
- 10.5 Trường hợp không tìm được giải pháp khắc phục, các Bên có quyền xem xét việc chấm dứt Hợp đồng.

## **Điều 11. Thủ tục giải quyết tranh chấp**

- 11.1 Khi có phát sinh tranh chấp, hai Bên chủ động giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải.
- 11.2 Nếu thương lượng, hòa giải bất thành, tranh chấp sẽ được đưa lên Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

## **Điều 12. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- 12.1 Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo quy định tại Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn.
- 12.2 Một trong hai Bên bị giải thể hoặc phá sản hoặc bị rút giấy phép kinh doanh.
- 12.3 Một trong hai Bên được bên còn lại xác nhận việc không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng.

## **Điều 13. Loại Hợp đồng**

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

## **Điều 14. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng**

- 14.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
  - a) Bổ sung hàng hóa cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A;
  - b) Thay đổi địa điểm giao hàng, đơn vị thanh toán theo yêu cầu của Bên A;
  - c) Thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A;
  - d) Theo thỏa thuận của hai Bên.
- 14.2 Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng.



- 14.3 Trong trường hợp Bên A muốn gia hạn hiệu lực của Hợp đồng, Bên A sẽ gửi thông báo gia hạn Hợp đồng cho Bên B tối thiểu 05 ngày trước thời điểm Hợp đồng hết hiệu lực dưới hình thức Phụ lục hợp đồng để hai Bên cùng ký kết.

**Điều 15. Hiệu lực và thời gian thực hiện Hợp đồng**

- 15.1 Hợp đồng có hiệu lực khi đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký Hợp đồng.  
15.2 Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng: Từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày [ngày hiệu lực].  
15.3 Thời gian thực hiện Hợp đồng: Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

**Điều 16. Thanh lý Hợp đồng**

Hợp đồng được tự động thanh lý khi các Bên hoàn thành các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng.

**Điều 17. Điều khoản chung**

- 17.1 Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản có chữ ký, đóng dấu của hai Bên.  
17.2 Các Phụ lục Hợp đồng và các Đơn đặt hàng (PO) là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.  
17.3 Hợp đồng này được làm thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản. Ngoài ra, Hợp đồng này có thể được sao chụp thành nhiều bản chính có giá trị như nhau theo yêu cầu sử dụng của các Bên.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**Dự thảo**

**HỢP ĐỒNG**

**V/v: Cung cấp trang thiết bị mặt đất sân bay**

(Kèm theo Báo cáo số: /2023/BC-HĐQT-XNK, ngày / /2023)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày \_\_/\_\_/2023

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_.

Gói thầu: \_\_\_\_\_.

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số: \_\_\_/BB-TTHĐ ngày \_\_\_/\_\_\_/2023;
- Căn cứ Quyết định số \_\_\_/QĐ..... ngày \_\_\_/\_\_\_/2023 của \_\_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “\_\_\_\_\_” thuộc dự án: “\_\_\_\_\_”;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm 2023 tại Văn phòng \_\_\_\_\_, chúng tôi gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_.

Địa chỉ: \_\_\_\_\_.

Tel: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_.

Tài khoản VND: \_\_\_\_\_.

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: \_\_\_\_\_.

Đại diện là ông: \_\_\_\_\_ – Chức vụ: \_\_\_\_\_.

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: +84-24-38271939

Fax: +84-24-38271925

Tài khoản VND: 116000183516 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: 0100107934.

Đại diện là ông: \_\_\_\_\_ . – Chức vụ: \_\_\_\_\_.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa và dịch vụ được nêu chi tiết tại phần phạm vi cung cấp trong Phụ lục hợp đồng số \_\_\_\_\_.

- Tên hàng: \_\_\_\_\_ (sau đây còn được gọi là “hàng/hàng hóa/thiết bị”);
- Chất lượng: \_\_\_\_\_ cung cấp theo hợp đồng này phải là thiết bị hoàn chỉnh, đồng bộ và mới 100%, chưa qua sử dụng; được nhiệt đới hóa, không bị khuyết tật và phải được tra dầu mỡ đầy đủ để có thể sẵn sàng khởi động đưa vào vận hành khai thác ngay. Thiết bị khi vận hành phải đảm bảo đạt được hết các yêu cầu và thông số kỹ thuật quy định trong E-HSMT, E-HSDT, các tài liệu của hợp đồng và các điều khoản khác của hợp đồng để đáp ứng đúng mục đích sử dụng của Bên A;
- Hãng sản xuất - Xuất xứ của thiết bị: \_\_\_\_\_;
- Năm sản xuất: \_\_\_\_\_;
- Số lượng: \_\_\_\_\_ cùng các phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật đi kèm.

\* Chi tiết về chủng loại, model, quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật của thiết bị được nêu trong thành phần hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- 2.1 Văn bản hợp đồng;
- 2.2 Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- 2.3 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 2.4 E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu;
- 2.5 E-HSMT;
- 2.6 Các tài liệu của hợp đồng gồm:
  - Phụ lục hợp đồng số \_\_\_\_\_: Bảng giá và phạm vi cung cấp; Bảng cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của nhà thầu; Tài liệu kỹ thuật giới thiệu quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật của \_\_\_\_\_; Thông tin xuất hóa đơn; Danh mục phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất kèm theo mỗi \_\_\_\_\_.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

- 3.1 Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này, cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.
- 3.2 Cử người tiếp nhận hàng tại kho của Bên A theo quy định hợp đồng;
- 3.3 Giám sát Bên B thực hiện việc lắp ráp (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh, nghiệm thu kỹ thuật thiết bị tại hiện trường;
- 3.4 Cử nhân viên tham gia hướng dẫn sử dụng tại hiện trường;

3.5 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

- 4.1 Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ đi kèm như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng này;
- 4.2 Cung cấp hàng hóa tại kho của bên A theo quy định tại Khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng, đảm bảo đúng thời hạn, đúng số lượng, chủng loại, model, xuất xứ, chất lượng và thông số kỹ thuật như hợp đồng quy định;
- 4.3 Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ và tài liệu kèm theo thiết bị như hợp đồng quy định;
- 4.4 Thực hiện việc lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh (nếu có), nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đảm bảo đúng thời gian và yêu cầu kỹ thuật quy định trong hợp đồng;
- 4.5 Tổ chức hướng dẫn sử dụng tại hiện trường theo quy định của hợp đồng;
- 4.6 Bảo hành thiết bị theo quy định của hợp đồng;
- 4.7 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

#### **Điều 5. Giá hợp đồng, phương thức thanh toán và thông tin xuất hóa đơn**

5.1 Giá hợp đồng:

Tổng trị giá hợp đồng là: \_\_\_\_\_ (**Bằng chữ:** \_\_\_\_\_), giá này là giá trọn gói cung cấp \_\_\_\_\_ cùng các phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật đi kèm giao tại kho của đơn vị sử dụng của Bên A tại \_\_\_\_\_ đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành của Nhà nước và tất cả các chi phí khác có liên quan.

\* Chi tiết như nêu trong phụ lục số \_\_\_\_\_ của hợp đồng.

Hợp đồng này là hợp đồng trọn gói. Trị giá của hợp đồng là cố định và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, bên A sẽ không phải trả bất cứ một khoản chi phí nào khác cho bên B trừ khi có thỏa thuận đồng ý bằng văn bản của cả hai bên.

5.2 Phương thức tạm ứng và thanh toán:

Bên A tạm ứng và thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B như sau:

- Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng.....% tổng trị giá hợp đồng (\_\_\_\_\_ VND - **Bằng chữ:** \_\_\_\_\_) cho Bên B trong vòng ..... ngày làm việc sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ tạm ứng hợp lệ như sau:
  - + Văn bản đề nghị tạm ứng do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị tạm ứng);
  - + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản chụp có sao y của Bên B;
  - + Bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 của hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản chụp có sao y của Bên B.
- Thanh toán tối đa 02 đợt như sau:
  - + Đợt 1: Bên A thanh toán .....% giá trị hợp đồng sau khi Bên A thu hồi toàn

bộ 100% giá trị tạm ứng trong vòng 07 ngày làm việc sau khi các bên liên quan ký Biên bản giao nhận hàng và Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa đưa vào sử dụng và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán);
  - Hóa đơn GTGT của Bên B gồm: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/ Đơn vị sử dụng ;
  - Vận đơn, packing list và tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị: 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
  - Giấy chứng nhận chất lượng và năm sản xuất của các thiết bị do hãng sản xuất cấp: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
  - Giấy chứng nhận xuất xứ của các thiết bị do Phòng Thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (có ghi nơi sản xuất thiết bị): 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
  - Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp (Nếu quy định hiện hành của Nhà nước có yêu cầu): 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
  - Biên bản giao nhận hàng: 06 bản gốc/Cảng hàng không;
  - Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng: 06 bản gốc/Cảng hàng không;
  - Bảo lãnh bảo hành: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B.
- + Đợt 2: Bên A thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng sau khi khấu trừ các khoản phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại (nếu có) trong vòng ..... ngày làm việc sau khi hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:
- Văn bản đề nghị thanh toán do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán);
  - Biên bản thanh lý hợp đồng: 06 bản gốc.

### 5.3 Thông tin xuất hóa đơn:

Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn trực tiếp cho các đơn vị sử dụng của Bên A là \_\_\_\_\_ theo số lượng thiết bị cung cấp cho mỗi đơn vị sử dụng (Chi tiết về thông tin xuất hóa đơn được nêu tại Mục “Thông tin xuất hóa đơn” trong Phụ lục số \_\_\_\_\_ của hợp đồng).

## Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

- 6.1 Tổng thời gian Bên B thực hiện các công việc theo quy định hợp đồng: là \_\_\_\_ ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày lễ, Tết và ngày nghỉ; nhưng không bao gồm thời gian chờ Bên A bố trí kho bãi, địa điểm tiếp nhận thiết bị, bàn giao mặt bằng lắp đặt; thời gian kiểm tra, chấp thuận, phê duyệt/chấp thuận đối với các nội dung cần được Bên A phê duyệt/chấp thuận theo quy định của Hợp đồng hoặc các thời gian bị trì hoãn khác theo yêu cầu của Bên A; các trường hợp bất khả kháng; thời gian bảo hành), thời gian này bao gồm tất cả các khoảng thời gian cần thiết để Bên B thực hiện các công việc theo quy định của Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn thời gian cần thiết để hoàn thành việc nhập khẩu, thông quan, kiểm tra hàng hóa nhập khẩu, lưu

kho/bãi, vận chuyển, bốc/dỡ và bàn giao hàng hóa đến hiện trường tại các địa điểm giao hàng theo quy định tại Khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng; lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh, nghiệm thu kỹ thuật thiết bị, hướng dẫn sử dụng tại hiện trường, v.v...

- 6.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B có quyền yêu cầu Bên A xem xét gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng nếu Bên B chứng minh rằng thời gian thực hiện hợp đồng sẽ bị chậm trễ do một hoặc nhiều lý do sau đây:
- Tạm ngưng thực hiện hợp đồng theo quyết định của Bên A;
  - Bất khả kháng theo quy định của Hợp đồng;
  - Do bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào của Bên A, nhân sự hoặc nhà thầu khác mà Bên A chịu trách nhiệm;
  - Các trường hợp cho phép gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác được quy định cụ thể theo Hợp đồng này.
- 6.3 Trường hợp Bên B không được gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 6.2 Điều này, Bên B, bằng chi phí của mình, phải ngay lập tức bắt đầu và thực hiện tất cả các bước cần thiết để khắc phục sự chậm trễ đảm bảo đúng thời gian thực hiện hợp đồng.

#### **Điều 7. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh tiền tạm ứng và Bảo lãnh bảo hành**

- 7.1 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
- 7.2 Bảo lãnh tiền tạm ứng
- 7.3 Bảo lãnh bảo hành

#### **Điều 8. Giao hàng, lắp ráp, chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh; nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng; hướng dẫn sử dụng và thanh lý hợp đồng**

##### **8.1 Giao hàng:**

Mặc cho trường hợp không có ghi chú đầy đủ từng chi tiết về qui cách kỹ thuật, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được giao hoàn chỉnh, đồng bộ và mới 100%, được trang bị đầy đủ các bộ phận, phụ kiện mà thông thường các nhà sản xuất phải cung cấp theo tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực thiết bị loại này.

Bên B chịu trách nhiệm giao toàn bộ hàng hóa cung cấp theo hợp đồng đến kho của Bên A tại \_\_\_\_\_.

Các chứng từ, tài liệu kèm theo hàng gồm:

- Vận đơn, packing list và tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị: 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận chất lượng và năm sản xuất của các thiết bị do hãng sản xuất cấp: 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận xuất xứ của các thiết bị do Phòng Thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (có ghi nơi sản xuất thiết bị): 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp (Nếu quy định hiện hành của Nhà nước có yêu cầu): 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Tài liệu kỹ thuật kèm theo mỗi thiết bị gồm: Tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo

trì/sửa chữa; Tài liệu tra cứu các phụ tùng: 01 bộ (mỗi bộ gồm 01 bản gốc và 02 bản copy kèm 03 USB chứa bản soft copy tài liệu kỹ thuật).

Trước ngày giao hàng ít nhất là 05 ngày, Bên B phải có văn bản thông báo về kế hoạch giao hàng cùng những thông tin cần lưu ý khác (nếu có) để Bên A chuẩn bị kiểm tra và nhận hàng.

Khi giao hàng Bên B phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa để Bên A làm cơ sở kiểm tra và nhận hàng. Trường hợp chứng từ, tài liệu yêu cầu kèm theo hàng hóa là bản chụp thì bên B phải cung cấp bản chính để đối chiếu (trừ Tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp). Biên bản giao nhận hàng sẽ được ký sau khi các bên kiểm tra đầy đủ hàng hóa cùng các hồ sơ và tài liệu kèm theo đúng theo yêu cầu của hợp đồng.

Bên A có quyền từ chối ký Biên bản giao nhận hàng trong trường hợp hàng hóa không đúng số lượng, chủng loại, model, xuất xứ, ... hoặc thiết bị không đạt yêu cầu về chất lượng, hoặc chứng từ không đầy đủ, không đúng như hợp đồng quy định.

#### 8.2 Lắp ráp (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh:

Ngay sau khi giao hàng đến kho của Bên A theo quy định tại Khoản 8.1 Điều này, Bên B có trách nhiệm cử chuyên gia của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật của Bên B (có chứng chỉ của nhà sản xuất) đến hiện trường tại \_\_\_\_\_ để tiến hành lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật của thiết bị (nếu có) tại từng hiện trường.

Sau khi lắp ráp xong, Bên B sẽ tiến hành chạy thử, kiểm tra, nếu các thông số kỹ thuật của thiết bị một phần hoặc hoàn toàn không đạt yêu cầu của hợp đồng, thì Bên B phải thực hiện việc hiệu chỉnh và/hoặc thay thế bằng chi phí của mình để thiết bị đạt được các thông số kỹ thuật như hợp đồng quy định trong thời gian sớm nhất có thể. Thời gian khắc phục hoặc đổi thiết bị không được loại trừ khỏi tổng thời gian thực hiện hợp đồng.

#### 8.3 Hướng dẫn sử dụng:

Bên B có trách nhiệm cử chuyên gia của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật của Bên B (có chứng chỉ được phép huấn luyện của nhà sản xuất) đến hiện trường tại \_\_\_\_\_ để thực hiện việc hướng dẫn sử dụng cho các nhân viên của đơn vị sử dụng về vận hành, bảo trì và xử lý sự cố thiết bị trong thời gian tối thiểu \_\_\_ ngày làm việc tại đơn vị sử dụng. Yêu cầu phải có chương trình hướng dẫn cụ thể, chi tiết và đầy đủ tài liệu kỹ thuật thiết bị phục vụ cho công tác hướng dẫn sử dụng. Bên B phải chịu trách nhiệm về những rủi ro mà nhân viên tham dự khoá hướng dẫn sử dụng có thể gây ra đối với thiết bị nếu chương trình đào tạo của Bên B không phù hợp.

Mọi chi phí đi lại, ăn ở, vé máy bay khứ hồi, bảo hiểm, v.v... cho chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của Bên B trong thời gian làm việc tại hiện trường do Bên B chi trả;

Sau khi hoàn thành hướng dẫn sử dụng, Bên B phải đảm bảo các học viên của Bên A có thể vận hành, bảo trì, xử lý sự cố thiết bị một cách thành thạo và có Biên bản kết quả hướng dẫn sử dụng, đồng thời bên B cấp giấy chứng nhận huấn luyện của hãng sản xuất thiết bị cho các nhân viên tham gia khoá huấn luyện.

#### 8.4 Nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng:

Sau khi Bên B hoàn thành việc chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị (nếu có) và hoàn tất việc hướng dẫn sử dụng, các bên sẽ cùng tiến hành nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng trên cơ sở hợp đồng hai bên ký kết. Đại diện các bên sẽ lập và ký Biên bản

nghiệm thu kỹ thuật thiết bị bàn giao đưa vào sử dụng để xác nhận chất lượng, các thông số kỹ thuật của thiết bị và việc hướng dẫn sử dụng đúng theo quy định tại hợp đồng.

#### 8.5 Thanh lý hợp đồng:

Sau khi ký các Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng của tất cả các thiết bị cung cấp theo hợp đồng và Bên B cung cấp bảo lãnh bảo hành hợp lệ thì hai bên sẽ tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

### Điều 9. Bảo hành

- 9.1 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành \_\_\_\_ tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại hiện trường tại đơn vị sử dụng cho tất cả các hàng hoá cung cấp theo hợp đồng này kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành sẽ được gia hạn tương ứng với thời gian thiết bị hư hỏng không hoạt động được do lỗi của nhà sản xuất hoặc chưa nghiệm thu được do lỗi thuộc về phía Bên B gây ra.
- 9.2 Trong thời gian bảo hành nếu thiết bị xảy ra sự cố hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định hoặc bất kỳ bộ phận nào của thiết bị bị hư hỏng hoặc có biểu hiện hư hỏng/khuyết tật bất kể lỗi của bên nào, thì Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B bằng điện thoại, fax hoặc e-mail; trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải cử chuyên gia/cán bộ kỹ thuật đến hiện trường để kiểm tra, xác nhận sự cố và tìm biện pháp khắc phục sự cố; thời gian khắc phục sự cố trong vòng từ 01 - 03 ngày kể từ ngày chuyên gia/cán bộ kỹ thuật đến hiện trường đối với những hư hỏng có thể khắc phục tại chỗ. Đối với những hư hỏng cần phải gửi các bộ phận, linh kiện từ Hãng sản xuất sang để thay thế hoặc gửi các bộ phận hư hỏng sang Hãng sản xuất kiểm tra, sửa chữa thì thời gian khắc phục sự cố là 07 - 14 ngày kể từ ngày Bên A thông báo hư hỏng. Bên B phải chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu và các chi phí liên quan đến việc bảo hành này. Về phần lỗi, trách nhiệm có liên quan sẽ được 2 bên xác định cụ thể sau đó và chi phí liên quan sẽ do bên có lỗi chi trả.
- 9.3 Trong thời gian bảo hành Bên B chịu trách nhiệm sửa chữa và/hoặc thay thế miễn phí mọi hư hỏng của thiết bị do lỗi sản xuất hoặc Bên B gây ra. Nếu hư hỏng được xác định là do lỗi của đơn vị sử dụng thì Bên A sẽ thanh toán các chi phí sửa chữa và/hoặc thay thế này.
- 9.4 Trường hợp Bên B không hoặc không kịp xử lý được các hư hỏng và khuyết tật trong thời hạn quy định tại Khoản 9.2 Điều này, Bên A, sau khi thông báo cho Bên B, có quyền tự lo sửa chữa, thay thế với mọi phí tổn do Bên B chịu mà vẫn không giải trừ cho Bên B những nghĩa vụ trong điều khoản bảo hành này. Số tiền thiệt hại và chi phí cho việc khắc phục những sự cố này được Bên B hoàn trả lại bằng chuyển khoản cho Bên A đồng thời Bên A có quyền tước thu bảo lãnh bảo hành trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ bảo hành như trên.
- 9.5 Bên B cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế khi Bên A có yêu cầu trong thời gian ít nhất 10 năm sau ngày hết hạn bảo hành với chi phí do Bên A chi trả.

### Điều 10. Phạt vi phạm hợp đồng

- 10.1 Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng, nếu Bên B vi phạm hợp đồng thì phải chịu phạt với mức phạt bằng 0,1% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày lịch vi phạm. Tuy nhiên tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Phạt vi phạm hợp đồng được áp dụng trong trường hợp sau:

74 - C  
Y  
N  
KHẨ  
ÔNG  
- TP. HA



- Bên B vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng (căn cứ kết quả nêu tại Biên bản thanh lý hợp đồng);
  - Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng;
  - Bên B thực hiện không đúng một phần hay toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng (bao gồm nhưng không giới hạn các vi phạm: giao hàng không đầy đủ; không đúng chủng loại, model, xuất xứ, quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật, chất lượng như hợp đồng quy định dẫn đến phải chờ xử lý, giải quyết hoặc chờ đổi hàng mới làm kéo dài thời gian giao hàng hoặc chứng từ và tài liệu cung cấp theo hàng không đúng, không đầy đủ như hợp đồng quy định; nghiệm thu kỹ thuật thiết bị không đạt yêu cầu của hợp đồng,... dẫn đến làm chậm tiến độ thực hiện hợp đồng);
  - Bên B vi phạm các nghĩa vụ bảo hành hoặc thực hiện nghĩa vụ bảo hành chậm hoặc chậm trễ giải quyết khiếu nại của bên A so với quy định hợp đồng.
- 10.2 Trường hợp khi Bên B có những sự việc, gây ảnh hưởng đến nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của mình, xảy ra nằm ngoài khả năng giải quyết hoặc kiểm soát của Bên B, thì Bên B phải kịp thời thông báo cho Bên A bằng văn bản. Bên A sẽ trả lời cho Bên B trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B. Việc phạt/miễn phạt hợp đồng sẽ do Bên A quyết định căn cứ trên các văn bản thông báo, đồng ý của hai bên.
- 10.3 Trường hợp bên B đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc tự ý hủy hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A, hoặc không thực hiện toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng) sẽ phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền bằng 8% tổng giá trị hợp đồng và phải bồi thường mọi tổn thất, thiệt hại phát sinh gây ra cho bên bị vi phạm (nếu có) bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của bên kia.
- 10.4 Nếu Bên A chậm thanh toán sẽ phải trả thêm khoản tiền theo lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 trên số tiền chậm thanh toán.
- 10.5 Việc thanh toán tiền phạt phải được thực hiện bằng chuyển khoản hoặc khấu trừ vào trị giá của hợp đồng khi Bên A thông báo cho Bên B. Tuy nhiên vẫn không giải trừ cho bên vi phạm khỏi những nghĩa vụ của mình quy định trong hợp đồng.

### **Điều 11. Trường hợp bất khả kháng**

- 11.1 Các bên sẽ được giải trừ trách nhiệm của mình về trường hợp không thi hành một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng nếu như việc không thi hành này gây ra bởi các sự kiện bất khả kháng.
- 11.2 Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của bên bị tình trạng bất khả kháng tác động và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh, bạo loạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận hoặc các trường hợp bất khả kháng khác.

- 11.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị tình trạng bất khả kháng tác động phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 03 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện bất khả kháng, thời điểm khởi đầu và kết thúc sự kiện bất khả kháng, đồng thời cung cấp cho bên kia hồ sơ xác nhận chứng minh về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một cơ quan tổ chức có đầy đủ chức năng và thẩm quyền theo pháp luật tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị tình trạng bất khả kháng tác động vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.
- 11.4 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục 150 ngày, các Bên sẽ thỏa thuận trên tinh thần thiện chí nhằm giải quyết hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trong trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài nói trên, Bên A bảo lưu quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng và áp dụng quy định tại Điều 12 của hợp đồng.

## **Điều 12. Chấm dứt hợp đồng**

### **12.1 Các trường hợp chấm dứt hợp đồng:**

- Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình.
- Một trong các Bên bị giải thể hoặc phá sản.
- Chấm dứt hợp đồng do điều kiện bất khả kháng theo quy định hợp đồng.
- Một trong các bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản theo quy định của Hợp đồng.
- Các trường hợp khác theo thỏa thuận của các bên.

### **12.2 Bên A có thể đơn phương chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hợp đồng trong các trường hợp sau:**

- Bên B giao hàng trễ hơn 150 ngày kể từ ngày hết thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này (kể cả trong trường hợp bất khả kháng).
- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng (trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng) trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn.
- Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba mà không được sự đồng ý của Bên A.

### **12.3 Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng**

- Nếu Bên B thuộc vào các trường hợp quy định tại Khoản 12.2 Điều này (ngoại trừ trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng trễ hơn 150 ngày do sự kiện bất khả kháng), Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng thanh toán cho Bên A toàn bộ số tiền bảo lãnh. Ngoài ra, Bên A có quyền yêu cầu Bên B trả số tiền phạt vi phạm theo quy định tại Điều 10 của hợp đồng và bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của Bên B.
- Trong trường hợp Bên A chấm dứt một phần Hợp đồng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B giá trị phần công việc thực hiện sau khi trừ đi giá trị tạm ứng.
- Nếu hợp đồng chấm dứt thuộc trường hợp bất khả kháng, các Bên sẽ thỏa thuận trên tinh thần thiện chí nhằm giải quyết các hậu quả khi chấm dứt hợp đồng.

### **Điều 13. Giải quyết tranh chấp**

#### **13.1 Xử lý tranh chấp:**

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề tranh chấp xảy ra hai bên sẽ trực tiếp thảo luận tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác.

Trong trường hợp thảo luận không đạt kết quả thì vấn đề sẽ được trình lên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.

#### **13.2 Trong quá trình giải quyết tranh chấp nêu trên, các Bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện Hợp đồng đã ký kết nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào tạm ngưng hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng giữa các Bên.**

### **Điều 14. Điều khoản chung**

14.1 Các thành phần của hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng như nêu tại Điều 2 của hợp đồng cũng như các tài liệu khác được hai bên ký xác nhận và nêu trong hợp đồng này sẽ là bộ phận không tách rời của hợp đồng này.

14.2 Mọi thay đổi hoặc tu chỉnh đối với hợp đồng này phải được viết thành văn bản và do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu mới có giá trị hiệu lực.

14.3 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và Bên A nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B; và hết hiệu lực theo quy định tại Điều 12 của hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập gồm 10 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 08 bản và Bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
CHỦ ĐẦU TƯ**